

# **Chế định chế độ chính trị trong Hiến**

## **Pháp Việt Nam – Phần 1**

Chế định chế độ chính trị đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển một xã hội nói chung và con người sống trong đxã hội nói riêng.

**Vậy chế độ chính trị là gì và vai trò quan trọng của nó như thế nào ?**

Chế độ chính trị là cách tổ chức chính trị, kinh tế xã hội, luật pháp, hành chính, có nhiệm vụ điều hành đời sống của quần chúng nhân dân. Có thể nói, chế độ chính trị như nền tảng của một ngôi nhà và quần chúng nhân dân là những con người sinh sống trong ngôi nhà đó. Nền móng căn nhà có kiên cố, vững chãi thì con người mới được bảo vệ, được sống ổn định, no ấm và hạnh phúc. Trái lại, một ngôi nhà xây dựng trên một nền tảng không tốt đẹp, không vững chắc, có thể sập bất cứ lúc nào, tất nhiên tạo sự bất ổn cho người dân.

Do tính chất và tầm quan trọng đặc biệt của chế độ chính trị đối với sự phát triển của xã hội, cho nên trong Hiến pháp của nước ta cũng như trong Hiến pháp của nhiều nước, chế độ chính trị thường được ghi nhận trong chương đầu với vị trí là chế định pháp lý cơ bản, chi phối nội dung của các chế định khác của Hiến pháp.

Trong lịch sử lập hiến Việt Nam, chế định về chế độ chính trị nước ta đã trải qua một giai đoạn phát triển quan trọng, trong đó giai đoạn sau là sự kế thừa và phát triển của giai đoạn trước ở mức cao hơn, hoàn thiện hơn. Trong Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001, các quy định và nguyên tắc chính trị cơ bản về chế độ chính trị đã thể hiện một cách đầy đủ và toàn diện, tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc cho việc thiết lập, củng cố và bảo vệ chế độ chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

## **1 Khái niệm, định nghĩa về chính trị, chế độ chính trị:**

### **1.1 Chính trị**

- là “tổng bộ những hoạt động có liên quan đến các mối quan hệ giữa các giai cấp, giữa các dân tộc, các tầng lớp xã hội mà cốt lõi của nó là vấn đề giành chính quyền, duy trì và sử dụng quyền lực, sự tham gia vào công việc nhà nước, sự xác định hình thức tổ chức, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của nhà nước”. ( Trung tâm Từ điển quốc gia (1995), Từ điển bách khoa Việt Nam, Hà Nội, tập 1, tr.478)

### **1.2 Chế độ chính trị:**

- “là tổng thể các nguyên tắc, quy phạm của luật Hiến pháp ( bao gồm các nguyên tắc, quy phạm hiến định và các nguyên tắc, quy phạm pháp luật thể hiện trong các nguồn khác của luật hiến pháp) để xác lập và điều chỉnh các vấn đề về chính thể và chủ quyền quốc gia, về bản chất và mục đích của nhà nước, về tổ chức và thực

hiện quyền lực nhà nước và quyền lực nhân dân, về tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị và chính sách đối nội, đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. (*Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Đại học luật Hà Nội, tr.129*)

- “là một chế định cơ bản của luật Hiến pháp, nó chi phối hầu hết các chế định khác trong Hiến pháp. Đó là các quy định mang tính nguyên tắc, nền tảng cho việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước.” (*Trích tập bài giảng: Những vấn đề cơ bản về Luật Hiến pháp, giảng viên Lưu Đức Quang*)

## **2. Nội dung chế độ chính trị theo HIẾN PHÁP 1992:**

### **2.1. Quyền dân tộc cơ bản**

#### **2.1.1 Khái niệm:**

Quyền dân tộc cơ bản là những quyền tự nhiên và thiết yếu của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia.

Hiến pháp năm 1946 và 1959 khẳng định quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta là: Độc lập, chủ quyền và thống nhất.

Trên cơ sở kế thừa và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của Cách mạng Việt Nam, các quyền dân tộc cơ bản đã được nhận thức đầy đủ hơn trong Hiến Pháp 1980 và 1992, đó là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

### 2.1.2 Cơ sở hiến định: Điều 1, điều 13 Hiến pháp 1992

### 2.1.3 Nội dung:

Khẳng định những giá trị thiêng liêng của quyền dân tộc cơ bản - độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; tuyên bố với mục đích phòng ngừa ngăn chặn mọi hành vi xâm phạm các quyền dân tộc cơ bản, xâm hại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

#### · Độc lập:

Đây là quyền quan trọng nhất của một dân tộc, một quốc gia, là yếu tố tiên quyết để có các quyền khác. Một quốc gia bị đô hộ, xâm lược không độc lập thì quốc gia đó không thể có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

#### · Chủ quyền:

Chủ quyền là quyền tự quyết của dân tộc về vận mệnh của mình, về các chính sách đối nội và đối ngoại mà không chịu sự áp đặt từ bất cứ một dân tộc nào khác.

#### · Thống nhất:

Một quốc gia thống nhất là một quốc gia thống nhất từ Trung ương đến địa phương, có bộ máy nhà nước thống nhất và một hệ thống pháp luật duy nhất.

#### · Toàn vẹn lãnh thổ:

Lãnh thổ quốc gia bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời được quốc tế thừa nhận. Một quốc gia toàn vẹn lãnh thổ thì lãnh thổ của quốc gia đó phải đặt dưới sự quản lý thống nhất của nhà nước.

Như vậy, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ là bốn yếu tố cấu thành quyền dân tộc cơ bản, có liên quan mật thiết với nhau. Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền dân tộc, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ nên có thể khẳng định nước ta có đầy đủ các quyền dân tộc tự quyết mà không phụ thuộc và bất cứ quốc gia hay các thế lực nào khác.

## 2.2. Bản chất của Nhà nước

Cơ sở hiến định: Điều 2 - Hiến pháp 1992 đã sửa đổi bổ sung

*“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.”*

Như vậy bản chất của nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Bản chất này được thể hiện trên các phương diện cơ bản sau:

- Hình thức chính thể của nhà nước: Ngay sau khi độc lập, nhân dân ta đã lựa chọn hình thức chính thể của Nhà nước là Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (điều 1, Hiến pháp 1946) và qua các giai đoạn phát triển, chính thể của Nhà nước ta hiện nay là

Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa. Với các hình thức chính thể này, quyền dân chủ của nhân dân được phát huy và mở rộng.

- Cơ sở chính trị xã hội của Nhà nước: Nhà nước ta dựa trên sự liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, đây là cơ sở vững chắc của chính thể dân chủ Xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Cơ sở kinh tế của Nhà nước: nền kinh tế của nước ta là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể làm nền tảng, sở hữu tư nhân là động lực cho nền kinh tế phát triển.

- Bản chất của Nhà nước thể hiện trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước. Đó là các nguyên tắc: tất cả quyền lực của nhà nước thuộc về nhân dân (điều 2, Hiến pháp 1992), nguyên tắc Đảng cộng sản lãnh đạo Nhà nước (điều 4, Hiến pháp 1992), nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ các dân tộc (điều 5, Hiến pháp 1992), nguyên tắc tập trung dân chủ (điều 6, Hiến pháp 1992), nguyên tắc pháp chế XHCN (điều 12, Hiến pháp 1992). Các nguyên tắc này đều nhằm mục đích thể phát huy tính dân chủ của Nhà nước.

- Bản chất của nhà nước thực hiện ở các chính sách của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục. Mọi chủ trương chính sách của nhà nước trên tất cả các lĩnh vực đều hướng đến mục tiêu cuối cùng là vì lợi ích của nhân dân, không phải vì lợi ích của một giai cấp hay một nhóm người nào khác.

Trên thực tế, các cơ quan và cán bộ viên chức nhà nước còn nhiều biểu hiện trái với bản chất của Nhà nước được quy định trong Hiến pháp và pháp luật. Nạn tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền là một vấn nạn của nước ta đang làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Chính vì vậy Đảng và Nhà nước ta đang chủ trương chống tham nhũng, lãng phí và tiến hành cải cách hành chính để phát huy bản chất tốt đẹp của nhà nước nhưng có thể nói những cải cách này sẽ là một chặng đường rất gian nan.

### 2.3. Mục đích của Nhà nước

#### 2.3.1 Cơ sở hiến định: Điều 3 Hiến pháp 1992

#### 2.3.2 Nội dung:

*“Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân; xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.”*

Như vậy mục đích của nhà nước là tạo mọi điều kiện để người dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Để thực hiện mục tiêu này, nhà nước ta thông qua các chương về “quyền và nghĩa vụ của công dân”, về “chế độ kinh tế” và “văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ” trong Hiến pháp để

cụ thể những chính sách để người dân có đầy đủ điều kiện xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc và phát triển toàn diện cá nhân.

Các ngành luật trên cơ sở hiến pháp đã quy định chi tiết quyền và nghĩa vụ của công dân, tạo điều kiện cho người dân thực hiện quyền và nghĩa vụ chính đáng của mình để thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Ngoài ra các chính sách của Đảng và nhà nước về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục trong suốt quá trình xây dựng và phát triển đất nước đều hướng đến người dân, lấy dân làm gốc, tất cả vì nhân dân.

Nhà nước ta đang từng bước thực hiện mục tiêu của mình trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa thông qua các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy thực tế thực hiện mục tiêu này còn gặp nhiều bất cập và chưa thỏa đáng do trình độ của cán bộ viên chức nhà nước cũng như nạn tham ô, tham nhũng của một số quan chức biến chất nhưng nhìn chung trên lý thuyết các chính sách để thực hiện mục tiêu của nhà nước ta có nhiều điểm tiến bộ và phù hợp với nhu cầu của người dân

## 2.4. Vị trí, vai trò của các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị

### 2.4.1. Định nghĩa Hệ thống chính trị



Hệ thống chính trị là hệ thống các thiết chế tham gia vào việc tổ chức thực hiện quyền lực chính trị. Hệ thống chính trị ở nước ta bao gồm: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên vận hành theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”

#### 2.4.2. Nhà nước CHXHCN Việt Nam

Điều 2, Hiến Pháp 1992: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức”

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vai trò trung tâm trong hệ thống chính trị – “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”. So với các tổ chức thành viên khác của hệ thống chính trị, Nhà nước có những ưu thế sau:

- Nhà nước là đại diện chính thức cho các dân tộc, giai cấp, tầng lớp xã hội;
- Nhà nước là thiết chế chính trị thể hiện tập trung nhất quyền lực nhân dân;
- Nhà nước ban hành và sử dụng pháp luật quản lý xã hội;

- Nhà nước có đầy đủ các phương tiện vật chất cần thiết để thực hiện sự quản lý của mình;
- Nhà nước là thiết chế chính trị duy nhất có chủ quyền quốc gia.

Qua 60 năm xây dựng và phát triển, Nhà nước ta luôn giữ vị trí trụ cột của hệ thống chính trị, phát huy vai trò to lớn trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước, là công cụ chủ yếu để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm và những thành tựu đã đạt được, Nhà nước ta còn bộc lộ nhiều khuyết điểm và yếu điểm như: tổ chức bộ máy công kênh, nạn quan liêu, lãng phí, tham nhũng còn nghiêm trọng, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ còn hạn chế...

#### 2.4.3. Đảng Cộng sản Việt Nam

Điều 4, Hiến Pháp 1992: “Đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”.

Như vậy Đảng cộng sản là một bộ phận cấu thành và là hạt nhân chính trị lãnh đạo của hệ thống chính trị.

Nội dung lãnh đạo:

- Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách lớn định hướng cho sự phát triển của toàn xã hội trong từng thời kì phát triển trên tất cả các lĩnh vực.

- Đảng vạch ra phương hướng và nguyên tắc cơ bản là cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước, củng cố và phát triển hệ thống chính trị, thiết lập chế độ dân chủ XHCN, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

- Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình thông qua các đảng viên và tổ chức Đảng bằng cách giáo dục đảng viên nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, qua đó tập hợp, giáo dục và vận động quần chúng tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, ủng hộ và tích cực thực hiện đường lối chính sách của Đảng, tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước.

- Đảng thực hiện kiểm tra việc chấp hành và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng đối với các Đảng viên, các tổ chức Đảng, các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội.

Phương pháp lãnh đạo: phương pháp giáo dục, vận động, thuyết phục, phương pháp nêu gương dựa vào uy tín, năng lực của các Đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng.

Trong thời gian qua sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và hệ thống chính trị vẫn còn khuyết điểm hạn chế, phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm đổi mới... Tình trạng Đảng bao biện, làm thay, can thiệp sâu vào công việc chức năng

của Nhà nước vẫn còn tồn tại, chưa phát huy hết khả năng của các tổ chức chính trị – xã hội trong hệ thống chính trị và quyền làm chủ của nhân dân. Để khắc phục khuyết điểm này, Đảng ta đã chủ trương và kiên quyết tự đổi mới và chấn chỉnh, phát huy ở tầm cao hơn bản lĩnh và sức chiến đấu của Đảng đặc biệt là về năng lực tổ chức.

#### 2.4.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên

Điều 9, Hiến Pháp 1992: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức Nhà nước.

Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên hoạt động có hiệu quả”.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là “cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân” – thể hiện tính xã hội rộng rãi của hệ thống chính trị và là công cụ để nhân dân thực hiện quyền lực của mình.

- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân;

- Thực hiện phản biện xã hội;
- Tham gia thành lập và giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước;
- Tham gia quản lý nhà nước;
- Tham gia xây dựng pháp luật;
- Vận động nhân dân chấp hành chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

## 2.5. Hình thức nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước

### 2.5.1. Quyền lực nhà nước

Quyền lực chính trị của giai cấp cầm quyền được thực hiện bằng nhà nước. Quyền lực nhà nước có ba bộ phận cấu thành gồm: quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp.

### 2.5.2. Hình thức nhân dân thực hiện QLNN

- Dân chủ đại diện: nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp (Điều 6, Hiến pháp 1992), thông qua các tổ chức chính trị – xã hội.
- Dân chủ trực tiếp: nhân dân có quyền bầu cử, bãi nhiệm các đại biểu dân cử; thực hiện quyền làm chủ ở cơ sở; quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.

## 2.6. Nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của BMNN

2.6.1. Nguyên tắc tập quyền XHCN;

2.6.2. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo;

2.6.3. Nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết dân tộc;

2.6.4. Nguyên tắc tập trung dân chủ;

2.6.5. Nguyên tắc pháp chế XHCN.

## 2.7. Mối liên hệ giữa Nhà nước với nhân dân

Điều 8 của Hiến pháp 1992 quy định: *“Các cơ quan Nhà nước, cán bộ, viên chức Nhà nước phải tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng.”*

Các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước là những người được giao phó thực hiện quyền lực nhà nước và có thể lạm dụng các quyền được giao này. Điều 8 thể hiện nguyên tắc hiến định về thái độ, trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước đối với người dân. Mối quan hệ giữa nhà nước và nhân dân còn được thể hiện trong các bộ luật như Luật Cán bộ, Công chức số 22/2008/QH12, và Luật chống tham nhũng số 55/2005/QH11.

## 2.8. Chính sách dân tộc

Chính sách đoàn kết và đường lối dân tộc là những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, một trong những nội dung quan trọng phản ánh bản chất của chế độ chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cả bốn bản hiến pháp đều thể chế hóa chính sách và đường lối này thành nội dung cụ thể của các điều luật.

Hiến pháp năm 1946 ngay trong lời nói đầu đã ghi: “ Hiến pháp Việt Nam phải được xây dựng trên các nguyên tắc cơ bản dưới đây: Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo, đảm bảo các quyền tự do dân chủ; thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân”. Trong các điều 1,6,7 quy định địa vị pháp lý và quyền bình đẳng của tất cả mọi người, mọi người đều ngang quyền về phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa và bình đẳng trước pháp luật. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng làm nền tảng cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Đồng thời Điều 8 còn ghi nhận: “ ...ngoài sự bình đẳng về quyền lợi, những quốc dân thiểu số được giúp đỡ về mọi phương diện để nhanh chóng tiến kịp trình độ chung”.

Hiến pháp năm 1959, trong lời nói đầu ghi nhận tinh thần đoàn kết dân tộc ta trong đấu tranh chống xâm lược của nước ngoài giải phóng đất nước và tầm quan trọng của chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc, đấu tranh thống nhất đất nước, xác định quan hệ bình đẳng giúp nhau giữa các dân tộc là một trong những nội dung quan trọng được quy định

trong Hiến pháp. Điều 3 Hiến pháp 1959 quy định: “Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Nhà nước có nhiệm vụ giữ gìn và phát triển sự đoàn kết giữa các dân tộc. Mọi hành vi khinh miệt áp bức, chia rẽ dân tộc đều bị nghiêm cấm. Các dân tộc có quyền duy trì hoặc sửa đổi phong tục tập quán, dùng tiếng nói, chữ viết, phát triển văn hóa dân tộc của mình”. Đồng thời cũng quy định: “ Nhà nước ra sức giúp đỡ các dân tộc thiểu số mau tiến kịp trình độ kinh tế và văn hóa chung”.

Chính sách đoàn kết, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc đã trở thành tư tưởng chỉ đạo trong toàn bộ quá trình tổ chức và hoạt động của nhà nước ta và của hệ thống chính trị, tạo ra sức mạnh to lớn để đảm bảo cho sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Hiến pháp năm 1980 ra đời sau khi đất nước thống nhất, cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. tư tưởng về đoàn kết dân tộc có những điều kiện mới để phát triển. Những quy định trong Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959 đã được kế thừa và phát triển ở mức cao hơn và được ghi nhận trong Điều 5 Hiến pháp năm 1980. Đồng thời Điều 9 Hiến pháp năm 1980 khẳng định mặt trận phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, giáo dục và động viên nhân dân đề cao ý thức làm chủ tập thể, ra sức thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.



Trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, một lần nữa truyền thống đoàn kết dân tộc lại là nguồn sức mạnh to lớn để nhân dân ta tiếp tục vượt qua khó khăn, thu được những thành tựu mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hiến pháp năm 1992 đã thể hiện một cách đầy đủ và sâu sắc chính sách đoàn kết và đường lối dân tộc của nước ta trong Điều 5. Đồng thời nhận rõ tầm quan trọng và sức mạnh to lớn của nhân dân trong khối đại đoàn kết dân tộc, Điều 9 Hiến pháp năm 1992 đã quy định: “ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân, động viên nhân dân thực hiện quyền làm chủ, nghiêm chỉnh thi hành hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, viên chức nhà nước. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên hoạt động có hiệu quả”. Với những quy định trong Điều 5 và Điều 9 Hiến pháp năm 1992, chính sách đoàn kết và đường lối dân tộc của Nhà nước ta không những được ghi nhận mà còn được bảo đảm bằng những điều kiện cụ thể về chính trị, kinh tế, tổ chức và pháp lí.

Như vậy, chính sách đoàn kết và đường lối dân tộc đã được thể hiện một cách nhất quán trong toàn bộ bốn bản hiến pháp, phản ánh bản chất tốt đẹp của chế độ chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phù hợp với truyền thống đoàn

kết, nhân nghĩa từ ngàn đời của dân tộc ta, đã thực sự phát huy tác dụng, tập hợp và phát huy sức mạnh to lớn của cả dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, phục vụ thiết thực lợi ích của các dân tộc và toàn thể nhân dân.

## 2.9. Chính sách đối ngoại

Bản chất của chế độ chính trị trong mỗi nước không chỉ được phản ánh trong các chính sách đối nội mà còn thể hiện rõ nét trong chính sách đối ngoại, trong việc thiết lập và giải quyết các quan hệ với các nước khác

Từ khi thành lập đến nay, Nhà nước CHXHCN Việt Nam luôn chủ trương thực hiện một cách nhất quán chính sách đối ngoại hòa bình hữu nghị và hợp tác vì sự tiến bộ xã hội trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của mỗi nước và những nguyên tắc cùng chung sống hòa bình. Tuy nhiên, do điều kiện lịch sử trong mỗi giai đoạn cụ thể, cách thể hiện trong các bản Hiến pháp nước ta không hoàn toàn giống nhau. Những năm gần đây, cùng với những thành tựu to lớn mà nhà nước và nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đạt được trong nước, hoạt động đối ngoại của chúng ta đã có những bước phát triển quan trọng. Với phương châm “Việt Nam muốn làm bạn với các nước trên thế giới”, nhà nước ta đã không ngừng mở rộng quan hệ với các nước, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Đường lối đó đã được thể chế hóa một cách đầy đủ và sâu sắc trong Điều 14 Hiến pháp năm 1992: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chính sách hòa bình hữu nghị, mở rộng giao lưu và hợp tác

với tất cả các nước trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị xã hội khác nhau, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi; tăng cường tình đoàn kết hữu nghị và quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng, tích cực ủng hộ và góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”.

Đường lối đối ngoại thể hiện rõ bản chất của Nhà nước ta và truyền thống đoàn kết, nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam phản ánh đúng đắn ý chí, nguyện vọng của nhân dân ta và phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới hiện đại

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững. Phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

Phát triển công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả". Tích cực tham gia các diễn đàn và hoạt động của nhân dân thế giới. Tăng cường vận động viện trợ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người. Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam.

Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương... Cùng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tới đa những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, rà soát lại các văn bản pháp quy, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán, ổn định và minh bạch. Cải thiện môi trường đầu tư; thu hút các nguồn vốn FDI, ODA, đầu tư gián tiếp, tín dụng thương mại và các nguồn vốn khác. Xác định đúng mục tiêu sử dụng và đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn ODA, cải tiến phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng và có kế hoạch trả nợ đúng hạn; duy trì tỉ lệ vay nợ nước ngoài hợp lý, an toàn.

Phát huy vai trò chủ thể và tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, phát

triển thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài.

Đẩy mạnh công tác văn hoá - thông tin đối ngoại, góp phần tăng cường sự hợp tác, tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước.

Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại vững vàng về chính trị, có trình độ ngoại ngữ và năng lực nghiệp vụ cao, có đạo đức và phẩm chất tốt.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu về đối ngoại với sự tham gia và phát huy trí tuệ của các cơ quan nghiên cứu và các nhà khoa học.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; đối ngoại, quốc phòng và an ninh; thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.